

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES[®])
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Thành viên	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 28

CC * M.S.D.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn là doanh nghiệp 100,00% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Công ích huyện Hóc Môn theo Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 30 tháng 07 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0301399684-1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ nhất ngày 23 tháng 7 năm 2014.

Vốn điều lệ : 6.210.491.500 (Sáu tỷ hai trăm mười triệu bốn trăm chín mươi một ngàn năm trăm đồng).

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 159/1 Nguyễn Ảnh Thủ, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp. HCM.

Điện thoại : +84 (8) 3891 4063

Fax : +84 (8) 3712 9480

Mã số thuế : 0 3 0 1 3 9 9 6 8 4 - 1

3. Ngành nghề hoạt động

Hoạt động công ích:

- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng cầu đường và công trình thoát nước theo phân cấp quản lý;
- Quản lý công trình đô thị (quét dọn, thu gom, vận chuyển rác đường phố, chăm sóc cây xanh công viên và chiếu sáng vỉa hè);
- Quản lý cho thuê và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp cho huyện quản lý.

Hoạt động kinh doanh khác:

- Xây dựng công trình dân dụng vừa và nhỏ. Thi công công trình giao thông nông thôn. Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh cấp nước sinh hoạt theo cụm dân cư;
- Đo đạc bản đồ (chỉ hoạt động khi có giấy phép của Tổng cục Địa chính);
- Lập dự toán công trình;
- Dịch vụ mai táng, quản trang, bốc mộ, nhà vệ sinh công cộng;
- Kinh doanh kho bãi. Cho thuê xe và thiết bị chuyên dùng ngành xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh nhà ở theo dự án và quy hoạch được duyệt.

TRÁI KIỂM

4. Hội đồng Thành viên và Ban điều hành

4.1 Hội đồng Thành viên

Hội đồng Thành viên của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Bùi Thái Đức	Chủ tịch
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Ánh	Thành viên

4.2 Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Phan Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Đỗ Trung Trực	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Văn Phương	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tuyết Hằng	Kế toán trưởng

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 28.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Thành viên, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

8. Xác nhận của Hội đồng thành viên

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

331
CỔ
CH
TỔ
HU
1-7

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG HUYỆN ÍCH HỌC MÔN

Báo cáo của Hội đồng Thành viên (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp-Việt Nam hiện hành.

Ban điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng thành viên và Ban điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng thành viên Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015.

TM. Hội đồng Thành viên
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
HUYỆN ÍCH HỌC MÔN
TP. HỒ CHÍ MINH



BÙI THÁI ĐỨC
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

28
NG
HIỆM
ÁN
? AN
P. H



Số: 2020/15/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập ngày 30 tháng 01 năm 2015 (từ trang 07 đến trang 28) của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

175-
TY
HỮU H
À TƯ
VIỆ
Ổ CỨ

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015.

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Đỗ Thị Hương - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 0967-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Đặng Minh Tuyên - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 2701-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		44.298.151.851	33.522.956.528
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	75.321.183	1.597.605.043
111	1. Tiền		75.321.183	1.597.605.043
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.208.913.424	19.462.224.976
131	1. Phải thu của khách hàng	5.2	25.797.356.478	19.045.971.531
132	2. Trả trước cho người bán	5.3	1.022.000.000	-
138	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.4	389.556.946	416.253.445
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	5.5	16.159.583.446	11.545.003.972
141	1. Hàng tồn kho		16.159.583.446	11.545.003.972
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		854.333.798	918.122.537
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		18.194.709	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	5.6	836.139.089	918.122.537
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		1.911.519.437	3.089.663.395
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.875.340.214	3.059.705.990
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.7	1.875.340.214	3.059.705.990
222	- Nguyên giá		6.869.100.993	6.905.452.582
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.993.760.779)	(3.845.746.592)
240	III. Bất động sản đầu tư		29.957.405	29.957.405
241	- Nguyên giá		29.957.405	29.957.405
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.221.818	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.221.818	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		46.209.671.288	36.612.619.923

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HÓC MÔN

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		34.036.629.790	25.012.831.979
310	I. Nợ ngắn hạn		32.709.759.631	23.627.536.588
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	5.8	4.360.000.000	-
312	2. Phải trả người bán	5.9	20.218.520.400	18.660.262.998
313	3. Người mua trả tiền trước	5.10	18.419.000	451.408.167
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.11	1.558.410.248	684.641.419
315	5. Phải trả người lao động		4.032.409.541	2.659.933.665
316	6. Chi phí phải trả		209.090.909	-
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.12	1.719.445.073	2.007.505.982
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		593.464.460	(836.215.643)
330	II. Nợ dài hạn		1.326.870.159	1.385.295.391
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	5.13	225.600.000	225.600.000
337	4. Dự phòng phải trả dài hạn		524.062.861	773.015.117
339	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		577.207.298	386.680.274
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.173.041.498	11.599.787.944
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.14	12.137.815.551	11.564.561.997
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.617.000.000	5.617.000.000
413	2. Vốn khác của chủ sở hữu		593.491.500	593.491.500
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		479.511.461	-
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		-	227.109.575
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.447.812.590	5.126.960.922
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		35.225.947	35.225.947
432	1. Nguồn kinh phí		5.268.542	5.268.542
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		29.957.405	29.957.405
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		46.209.671.288	36.612.619.923

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
3. Ngoại tệ các loại		-	-

Người lập biểu

nh

Kế toán trưởng

nh

NGUYỄN THỊ TUYẾT HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015.

Giám Đốc



Phan Anh Tuấn

PHAN ANH TUẤN

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HÓC MÔN

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.740.499.313	52.893.083.933
03	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	55.740.499.313	52.893.083.933
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	46.272.682.944	42.025.655.986
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.467.816.369	10.867.427.947
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	8.990.200	33.073.070
22	7. Chi phí tài chính	6.4	149.615.694	21.204.999
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		149.615.694	21.204.999
24	8. Chi phí bán hàng	6.5	-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	6.462.280.540	7.401.023.821
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.864.910.335	3.478.272.197
31	11. Thu nhập khác	6.7	773.115.117	4.360.000
32	12. Chi phí khác	6.8	-	2.509.725
40	13. Lợi nhuận khác		773.115.117	1.850.275
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.638.025.452	3.480.122.472
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.9	800.365.599	870.030.618
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.837.659.853	2.610.091.854
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.10	-	-

3305
C
RÁCH
M T
CHU
5-7

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



NGUYỄN THỊ TUYẾT HẰNG

PHAN ANH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.638.025.452	3.480.122.472
	2. Điều chỉnh các khoản		1.085.029.214	1.352.409.890
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.184.365.776	1.298.131.821
03	- Các khoản dự phòng		(248.952.256)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	33.073.070
06	- Chi phí lãi vay		149.615.694	21.204.999
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.723.054.666	4.832.532.362
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(7.682.899.709)	3.634.395.367
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.614.579.474)	(5.048.297.696)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		3.790.116.882	(2.207.747.488)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.221.818)	604.516.350
13	- Tiền lãi vay đã trả		(149.615.694)	(21.204.999)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.100.201.838)	(781.677.452)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	650.997.982
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(841.936.875)	(2.858.746.348)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.882.283.860)	(1.195.231.922)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(1.084.006)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	(33.073.070)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	(34.157.076)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		18.730.000.000	3.800.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(14.370.000.000)	(3.800.000.000)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.360.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(1.522.283.860)	(1.229.388.998)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.597.605.043	2.826.994.041
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	75.321.183	1.597.605.043

128
ÔNG
NHIỆM
JÁN V
IÂN
P. H

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

nh

nh



NGUYỄN THỊ TUYẾT HẰNG

PHAN ANH TUẤN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn là doanh nghiệp 100,00% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Công ích huyện Hóc Môn theo Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 30 tháng 07 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0301399684-1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ nhất ngày 23 tháng 7 năm 2014.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ích và xây lắp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích:

- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng cầu đường và công trình thoát nước theo phân cấp quản lý;
- Quản lý công trình đô thị (quét dọn, thu gom, vận chuyển rác đường phố, chăm sóc cây xanh công viên và chiếu sáng vỉa hè);
- Quản lý cho thuê và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp cho huyện quản lý.

Hoạt động kinh doanh khác:

- Xây dựng công trình dân dụng vừa và nhỏ. Thi công công trình giao thông nông thôn. Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh cấp nước sinh hoạt theo cụm dân cư;
- Đo đạc bản đồ (chỉ hoạt động khi có giấy phép của Tổng cục Địa chính);
- Lập dự toán công trình;
- Dịch vụ mai táng, quản trang, bốc mộ, nhà vệ sinh công cộng;
- Kinh doanh kho bãi. Cho thuê xe và thiết bị chuyên dùng ngành xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh nhà ở theo dự án và quy hoạch được duyệt.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính; Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3.2 Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban điều hành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại, phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận: các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.
- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.3 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

4.4 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- **Nguyên tắc đánh giá:**

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

- **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải	03 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

4.5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá.
- Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư tài chính đã được lập dự phòng đầy đủ.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.
- Chi phí trả trước: căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, nhà xưởng, được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ theo quy định của pháp luật, trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều 38 Nghị định 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11 tháng 7 năm 2013 và Điều 18 Thông tư 220/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4.11 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã xác định được phần công việc đã hoàn thành ;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Hoạt động xây dựng :
 - Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.
 - Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:
 - (a) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
 - (b) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể;
 - (c) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

- **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.14 Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

4.15 Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Theo đó, các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

37
CC
CHI
TC
HL
11

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

4.16 Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

281
NG
HIỆN
ÁN V
ÁN
P. t

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.19 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Các khoản mục thuế thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Theo quy định hiện hành, số thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch theo số thuế quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng: Theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp 22% (hai mươi hai phần trăm).
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	29.628.224	4.235.715
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	45.692.959	1.593.369.328
Tổng cộng		75.321.183	1.597.605.043

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Là tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

75.
TY
HỮU
À TU
VÍ
C

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.2 Phải thu của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ban QLDT XDCT huyện Hóc Môn	6.850.331.294	6.869.775.970
- Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP. HCM	4.029.834.837	-
- UBND Thị trấn Hóc Môn	1.420.309.922	351.782.525
- Ban QLXD Nông Thôn Mới xã Xuân Thới Thượng	1.323.378.634	1.652.259.229
- Ban Quản lý Chợ Hóc Môn	1.267.153.915	912.236.211
- UBND xã Xuân Thới Đông	1.180.626.930	1.244.693.492
- Phòng Tài Nguyên và Môi Trường Huyện Hóc Môn	1.146.428.319	1.098.739.702
- Các đối tượng khác	8.579.292.627	6.916.484.402
Cộng	25.797.356.478	19.045.971.531

5.3 Trả trước cho người bán

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn	867.000.000	-
- Công ty TNHH DV TM SX Phương Nam	115.000.000	-
- Công ty TNHH Kilomet	40.000.000	-
Cộng	1.022.000.000	-

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản phải thu tiền cho thuê tài sản thuộc sở hữu Nhà nước.

5.5 Hàng tồn kho

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.4.1	Công cụ dụng cụ	-	107.052.000
5.4.2	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.159.583.446	11.437.951.972
5.4.3	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		16.159.583.446	11.545.003.972

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.5.1	Tạm ứng	466.765.628	192.978.587
5.5.2	Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	369.373.461	725.143.950
Tổng cộng		836.139.089	918.122.537

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.6.1 Tạm ứng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trần Mậu Tuất	372.728.128	133.978.587
- Nguyễn Quốc Việt	93.362.500	50.000.000
- Trần Anh Lâm	-	9.000.000
- Lê Văn Hùng	675.000	-
Cộng	466.765.628	192.978.587

5.6.2 Ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Chủ yếu là khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	2.031.446.223	102.600.000	4.704.415.590	66.990.769	6.905.452.582
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	16.500.000	-	19.851.589	36.351.589
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	16.500.000	-	19.851.589	36.351.589
4. Số cuối năm	2.031.446.223	86.100.000	4.704.415.590	47.139.180	6.869.100.993
II. Giá trị hao mòn					
1. Đầu năm	807.863.915	43.150.000	2.927.741.908	66.990.769	3.845.746.592
2. Tăng trong năm	283.728.936	12.300.000	888.336.840	-	1.184.365.776
- Khấu hao trong năm	283.728.936	12.300.000	888.336.840	-	1.184.365.776
3. Giảm trong năm	-	16.500.000	-	19.851.589	36.351.589
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	16.500.000	-	19.851.589	36.351.589
4. Số cuối năm	1.091.592.851	38.950.000	3.816.078.748	47.139.180	4.993.760.779
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.223.582.308	59.450.000	1.776.673.682	-	3.059.705.990
2. Tại ngày cuối năm	939.853.372	47.150.000	888.336.842	-	1.875.340.214

Trong đó:

- Nguyên giá của những tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.052.687.490 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN*Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014***5.8 Vay và nợ ngắn hạn**

Là khoản vay ngắn hạn theo hình thức tín chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hóc Môn theo hợp đồng vay số 6140-LAV-2014-02585 ngày 31 tháng 05 năm 2014.

5.9 Phải trả người bán

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trần Mậu Tuất	5.159.063.832	5.674.165.691
- Nguyễn Quốc Việt	4.562.859.810	4.018.561.209
- Đỗ Trung Trực	2.204.018.550	2.714.096.260
- Huỳnh Quang Đạt	2.042.406.124	2.246.257.124
- Nguyễn Thanh Bình	766.224.325	1.734.596.375
- Nguyễn Trí Lễ	1.321.129.446	1.244.467.199
- Các đối tượng khác	4.162.818.313	1.028.119.140
Cộng	20.218.520.400	18.660.262.998

5.10 Người mua trả tiền trước

Là tiền bảo hành công trình của Ban Quản lý Đô thị Quận 12.

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chi tiêu	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
1.	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	3.360.226	2.443.233.099	1.272.778.117	1.173.815.208
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	576.218.219	802.550.653	1.100.201.838	278.567.034
3.	Thuế thu nhập cá nhân	50.670.819	61.234.319	60.269.287	51.635.851
4.	Thuế khác	54.392.155	2.000.000	2.000.000	54.392.155
Tổng cộng		684.641.419	3.309.018.071	2.435.249.242	1.558.410.248

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả ngân sách tiền thu cho thuê MBCS	1.532.445.073	1.894.166.998
- Các đối tượng khác	187.000.000	113.338.984
Cộng	1.719.445.073	2.007.505.982

5.13 Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ thuê mặt bằng công sản.

5.14 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

5.14.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu xây dựng	29.992.800.479	27.682.875.016
- Doanh thu vận chuyển rác	19.236.490.541	16.504.765.903
- Doanh thu thu gom rác	6.337.638.249	8.573.812.794
- Doanh thu thu gom rác y tế	126.425.000	115.135.000
- Doanh thu vớt rác kênh rạch	13.196.180	16.495.220
- Doanh thu chăm sóc cây xanh	33.948.864	-
Cộng	55.740.499.313	52.893.083.933

6.2 Giá vốn bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn xây dựng	29.062.287.825	27.987.152.344
- Giá vốn vận chuyển rác	12.835.153.330	10.206.390.536
- Giá vốn thu gom rác	4.229.590.039	3.720.234.706
- Giá vốn thu gom rác y tế	113.429.750	99.133.200
- Giá vốn vớt rác kênh rạch	15.600.000	12.745.200
- Giá vốn chăm sóc cây xanh	16.622.000	-
Cộng	46.272.682.944	42.025.655.986

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Toàn bộ là khoản lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

6.4 Chi phí tài chính

Toàn bộ là khoản chi phí lãi vay ngắn hạn.

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	4.308.552.250	5.374.436.521
- Chi phí công cụ, dụng cụ	195.193.998	45.401.000
- Chi phí khấu hao	133.518.996	140.589.873
- Thuế, phí và lệ phí	236.411.484	2.856.782
- Chi phí dự phòng	632.829.683	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	595.076.529	1.388.995.045
- Chi phí bằng tiền khác	360.697.600	448.744.600
Cộng	6.462.280.540	7.401.023.821

6.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số liệu năm nay như sau:		Tổng cộng
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	3.638.025.452
- Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(2)	-
- Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(3)	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế thu nhập hiện hành	(4) = (1)+(2)-(3)	3.638.025.452
- Thuế suất thuế thu nhập hiện hành	(5)	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(6)=(4)*(5)	800.365.599

6.7 Chi phí sản xuất theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.776.294.899	24.066.816.671
- Chi phí nhân công	19.569.166.259	18.096.378.902
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.184.365.776	1.298.131.821
- Các chi phí bằng tiền khác	10.240.027.305	10.532.641.191
Cộng	56.769.854.239	53.993.968.585

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

7.1 Tiền lương và tiền thưởng của Hội đồng thành viên và Ban điều hành của Công ty:

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập đã phát sinh trong kỳ	1.853.479.500	1.537.625.700

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.321.183	1.597.605.043	75.321.183	1.597.605.043
Phải thu khách hàng	25.797.356.478	19.045.971.531	25.797.356.478	19.045.971.531
Các khoản phải thu khác	1.225.696.035	1.334.375.982	1.225.696.035	1.334.375.982
Cộng	27.098.373.696	21.977.952.556	27.098.373.696	21.977.952.556
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	4.360.000.000	-	4.360.000.000	-
Phải trả cho người bán	20.218.520.400	18.660.262.998	20.218.520.400	18.660.262.998
Các khoản phải trả khác	2.154.135.982	2.233.105.982	2.154.135.982	2.233.105.982
Cộng	26.732.656.382	20.893.368.980	26.732.656.382	20.893.368.980

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

8.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các yếu tố của rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

8.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

8.2.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

817
NG T
EM H
Y VÀ
N V
HỒ

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

8.2.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban điều hành chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban điều hành cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	4.360.000.000	-	-	4.360.000.000
Phải trả cho người bán	20.218.520.400	-	-	20.218.520.400
Các khoản phải trả khác	1.928.535.982	225.600.000	-	2.154.135.982
Cộng	26.507.056.382	225.600.000	-	26.732.656.382
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	18.660.262.998	-	-	18.660.262.998
Các khoản phải trả khác	2.007.505.982	225.600.000	-	2.233.105.982
Cộng	20.667.768.980	225.600.000	-	20.893.368.980

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8.2.4 Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

8.3 Báo cáo bộ phận

Toàn bộ hoạt động của công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015.

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Giám đốc



NGUYỄN THỊ TUYẾT HÀNG

PHAN ANH TUẤN

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HỌC MÓN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	5.617.000.000	592.407.494	227.109.575	-	2.516.869.068	8.953.386.137
Tăng trong năm trước	-	1.084.006	-	-	2.610.091.854	2.611.175.860
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	2.610.091.854	2.610.091.854
- Tăng khác	-	1.084.006	-	-	-	1.084.006
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước đầu năm nay	5.617.000.000	593.491.500	227.109.575	-	5.126.960.922	11.564.561.997
Tăng trong năm nay	-	-	252.401.886	479.511.461	2.846.400.070	3.578.313.417
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	2.837.659.853	2.837.659.853
- Tăng khác	-	-	252.401.886	479.511.461	8.740.217	740.653.564
Giảm trong năm nay	-	-	(479.511.461)	-	(2.525.548.402)	(3.005.059.863)
- Lợi nhuận giảm	-	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	(252.401.886)	(252.401.886)
- Trích Quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(2.271.616.978)	(2.271.616.978)
- Giảm khác	-	-	(479.511.461)	-	(1.529.538)	(481.040.999)
Số dư cuối năm nay	5.617.000.000	593.491.500	-	479.511.461	5.447.812.590	12.137.815.551

Người lập biểu



Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ TUYẾT HẰNG

